

**HOÀNG BÁ THIÊN SƯ
TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU**

(Trích trong Chỉ Nguyệt Lục của bộ Tục Tạng Kinh)
Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--o0o--

- Lời Nói đầu Của Dịch giả.
- Giới Thiệu Tác Giả.
- Bùi Hưu.
- Khai thị Bùi Công Mỹ.
- Tức Tâm là Phật.
- Bản pháp vốn vô pháp.
- Vô pháp cũng là pháp.
- Nay phó chúc vô pháp.
- Pháp pháp đâu là pháp.

Lời Nói Đầu Của Dịch Giả

Quý vị độc giả bắt đầu đọc những trang đầu tiên sẽ cảm thấy những lời vấn đáp rất lạt lẽo, không có chút mùi vị gì cả. Ấy là cốt tủy của Thiền vốn như thế. Nếu độc giả đọc đến chỗ cảm thấy không hiểu không biết thì nên nhìn thẳng chỗ không hiểu không biết đó xem cái đó là tại sao? Cái "không biết tại sao?" đó thiền tông gọi là nghi tình. Cái nghi tình này nếu giữ được mãi sẽ đưa Quý vị đến chỗ giác ngộ thành Phật. Xin chớ nên giải theo lời văn để đóng bít cửa ngộ. Nếu quý vị đọc tiếp thì sẽ phát hiện ra nhiều điều hay bất ngờ.

Thích Duy Lực

Hoàng Bá Thiên Sư pháp danh Hy Vận, người tỉnh Phước Kiến, thuở nhỏ xuất gia tại núi Hoàng Bá thuộc Hồng Châu, trên trán có một bướu thịt giống hạt châu, giọng nói nhu nhuần trong sáng, ý chí đậm bạc.

Khi đi núi Thiên Thai, giữa đường gặp một vị Tăng, nói chuyện với nhau như quen biết đã lâu. Nhìn kỹ thấy ánh sáng con mắt Tăng ấy chói người. Cùng đi chung đến một con sông, nhằm lúc mực nước sông dâng cao nên phải chống trượng dừng lại. Tăng ấy rủ Sư cùng qua sông.

Sư nói: Ông qua được thì tự qua.

Tăng ấy liền bước đi trên mặt sông giống như đi trên đất bằng, rồi quay đầu lại kêu Sư: Qua đây! Qua đây!

Sư hét rằng: Ông tự liễu này (tự liễu: chỉ tự độ mình)! Nếu tôi biết trước sẽ chặt chân ông.

Tăng ấy lại tán thán rằng: Thực là pháp khí đại thừa, ta chẳng thể so bằng.

Nói xong liền biến mất.

Sư đến kinh đô Lạc Dương khát thực từng nhà. Có một bà lão ra cổng nói: Cho bao nhiêu cũng không thấy đủ!

Sư nói: Cụ chưa bỏ thí sao lại trách tôi như thế!

Bà lão cười rồi đóng cổng lại. Sư ngạc nhiên, xin được nói chuyện với bà lão. Lời bà lão cũng như phát thuốc đúng bệnh của Sư. Lát sau từ già, bà lão bảo rằng: Nên đi xứ Nam Xương tham bái Mã Tổ.

Sư đến Nam Xương thì Mã Tổ đã thị tịch, liền chuyển sang Thạch Môn bái tháp Mã Tổ. Khi ấy Bá Trượng Thiên Sư đang ở nhà lá bên cạnh tháp, Sư bèn tham bái Bá Trượng, Trượng nói: Đường đường nguy nga từ phương nào đến?

- Đường đường nguy nga từ Lĩnh Nam đến.

- Đường đường nguy nga muốn làm việc gì?

- Đường đường nguy nga chẳng vì việc khác. (Rồi lễ bái.)

Sư hỏi: Tông thừa từ xưa chỉ thị như thế nào?

Trượng im lặng giây lâu.

Sư nói: Chẳng nên bảo người đời sau dứt tuyệt đi.

Trượng nói: Tường người là một con người. (Rồi bỏ đi về phòng.)

Sư theo sau đi vào phòng nói: Ông ta đặc biệt đến đây.

Trượng nói: Nếu vậy thì sau này không được cô phụ ta.

Một hôm, Bá Trượng nhắc lại cái công án tái tham Mã Tổ bị hét (1), Sư ngay đó lãnh ngộ.

GHI CHÚ:

(1) Công án Bá Trượng tái tham Mã Tổ bị hét.

Đang đứng bên cạnh Tổ, Tổ nhìn phát trần nơi góc thiền sàng.

Trượng nói: Tức dụng này, lia dụng này.

Tổ nói: Người về sau sẽ mở miệng dạy người như thế nào?

Trượng lấy phát trần dụng đứng.

Tổ nói: Tức dụng này, lia dụng này.

Trượng treo phát trần lại chỗ cũ. Tổ bỗng oai hùng hét một tiếng lớn, khiến cho Bá Trượng điếc lỗ tai ba ngày.

Khi Hoàng Bá vừa nghe kể lại đến đây liền le lưỡi bất giác đại ngộ.

Một hôm Bá Trượng hỏi Sư: Đi đâu mới về đây?

Sư nói: Dưới núi Đại Hùng hái nấm mới về.

- Có gặp con hổ không?

Sư liền kêu tiếng hổ.

Trượng cầm búa làm cái thế chém. Sư liền bạt tai Bá Trượng, Bá Trượng mỉm cười rồi về phòng liền, sau đó thượng đường nói: Dưới núi Đại Hùng có một con hổ, các người hãy để ý xem.

Lão già Bá Trượng hôm nay đã đích thân bị cắn một cái.

Một hôm. Bá Trượng vì phổ thỉnh (mời tất cả chúng cùng đi làm) đi khai khẩn ruộng về. Trượng nói: Khai khẩn ruộng chẳng phải dễ.

Sư nói: Theo chúng làm việc.

- Làm phiên dụng đạo.

- Đâu dám từ chối lao nhọc.

Trượng hỏi: Khai khẩn được bao nhiêu ruộng?

Sư đem cuộc cuộc đất ba cái.

Trượng liền hét.

Sư bịt tai bỏ đi.

Sư ở thiền hội Nam Tuyên, lúc đang phổ thỉnh lựa rau cải.

Tuyên hỏi: Đi đâu?

Đáp: Đi lựa rau cải.

Tuyên nói: Lấy gì để lựa?

Sư giơ cây dao.

Tuyên nói: Chỉ biết làm khách, chẳng biết làm chủ.

Sư lấy dao điếm ba cái.

Tuyên nói: Đại chúng lựa cải đi.

Một hôm, Sư bung bát đến chỗ tòa của Nam Tuyên ngồi.

Tuyên nhìn thấy hỏi: Trưởng lão hành đạo từ năm nào?

Sư nói: Trước Oai Âm Vương.

Tuyên nói: Vẫn còn là con cháu của ta. Đi xuống đi!

Sư bèn qua cái ghế thứ nhì ngồi, Tuyên bèn thôi.

Một hôm Tuyên nói: Lão tăng có một bài ca chẵn trâu, xin trưởng lão xướng họa.

Sư nói: Ta đã có thầy rồi.

Sư từ giả Nam Tuyên. Tuyên đưa đến cửa, chỉ cái nón của Sư nói: Thân của trưởng lão lớn vô hạn mà cái nón thì nhỏ quá đi!

Sư nói: Mặc dầu như thế mà đại thiên thế giới trọn ở trong đó.

Tuyên nói: Còn cụ già này chứ!

Sư đội nón đi liền.

Sư ở thiền hội Diêm-Quan, đang lễ Phật trên chánh điện, có Sa Di (sau này là vua Đường Tuyên Tông) hỏi: Chẳng chấp cầu Phật, chẳng chấp cầu Pháp, chẳng chấp cầu Tăng, Trưởng Lão lễ Phật để cầu cái gì?

Sư nói: Chẳng chấp cầu Phật, chẳng chấp cầu Pháp, chẳng chấp cầu Tăng, việc thường lễ bái như thế.

Sa Di nói: Cần lễ làm chi?

Sư bèn bặt tai.

Sa Di nói: Thơ lỗ quá thế.

Sư nói: Đây là chỗ gì mà nói thô nói tẻ!

Rồi bặt tai nữa.

Sư từng ẩn trong chùa Khai Nguyên ở Hồng Châu. Một hôm có thừa tướng Bùi Hưu vào chùa thấy bức tranh trên vách hỏi chủ chùa: Đây là gì?

Chủ chùa đáp: Chân dung của cao tăng.

Hưu nói: Chân dung thì thấy rồi, còn cao tăng ở đâu?

Chủ chùa không trả lời được.

Hưu hỏi: Ở đây có thiền giả nào không?

Đáp: Gần đây có một Tăng đến chùa công quả giống như thiền giả.

Hưu liền xin gặp và nói rằng: Hưu vừa có một câu hỏi mà chưa được ai trả lời, xin thượng nhân đáp dùm.

Sư nói: Xin thừa tướng cứ hỏi.

Hưu hỏi lại câu hỏi trước.

Sư lớn tiếng gọi: Bùi Hưu!

Hưu: Dạ.

Sư nói: Ở đâu?

Hưu ngay đó ngộ ý chỉ như được hạt châu quý, liền mời Sư về dinh rồi đánh lễ xin làm đệ tử.

Một hôm Hưu bưng một tượng Phật quý trước mặt Sư xin Sư đặt tên.

Sư gọi: Bùi Hưu!

Hưu: Dạ.

Sư nói: Đã đặt tên xong.

Hưu lễ bái.

Một hôm khác Hưu mời Sư đến dinh đem một tác phẩm của mình để trình cho Sư. Sư nhận xong để một bên tòa không mở ra xem, im lặng giây lâu rồi hỏi: Hiểu không?

Hưu nói: Chưa hiểu.

Sư nói: Nếu hiểu liền như thế này còn tốt một chút. Nếu mà trình bày nơi giấy mực thì đâu còn thiền tông ta.

Hưu do đó tặng một bài thơ rằng:

Từ khi đại sĩ truyền tâm ấn.
Trán có viên châu, bảy thước thân.
Trụ tích mười năm ở Thục-Thùy.
Hôm nay hành cước đến Chương Tân.
Một ngàn long tượng theo cao túc.
Vạn lý hương hoa kết thẳng nhân.

Muốn xin lễ Sư làm đệ tử.
Chẳng biết đem pháp phó hà nhân (người nào)?

Sư cũng không tỏ vẻ mừng.

Một hôm có sáu người mới đến. Năm người đánh lễ, một người thì đem toạ cụ phác ra một tướng tròn.

Sư nói: Ta nghe có một con chó săn rất ác.

Tăng ấy nói: Tìm tiếng Linh Dương đây (*linh dương là loại con hươu và cũng giống con dê, rất khó tìm tông tích*)!

Sư nói: Linh Dương chẳng tiếng cho người tìm.

Tăng nói: Tìm dấu Linh Dương đây!

Sư nói: Linh Dương chẳng dấu cho người tìm.

Tăng nói: Tìm tích Linh Dương đây!

Sư nói: Linh Dương chẳng tích cho người tìm.

Tăng nói: Vậy là Linh Dương chết.

Sư bèn thôi. Sáng hôm sau, Sư thăng tòa nói: Tăng tìm Linh Dương hôm qua ra đây!

Tăng ấy ra. Sư nói: Công án hôm qua chưa xong mà lão tăng đã thôi. Ý người thế nào?

Tăng chẳng thể trả lời.

Sư nói: Tưởng là một tăng xuất sắc, ai dè chỉ là một sa môn nghĩa học (*tức là giải nghĩa theo lời văn*).

Rồi đánh đập đuổi ra.

Một hôm Sư bóp nắm tay rồi nói: Lão Hòa Thượng khắp thiên hạ đều ở trong này. Nếu ta buông thả một đường chỉ thì tùy ý người tung hoành bốn phương. Nếu ta chẳng buông thả thì luôn cả cái bóp tay cũng không còn.

Tăng hỏi: Khi buông thả một đường chỉ là thế nào?

Sư nói: Tung hoành bốn phương.

Hỏi: Lúc chẳng buông thả thì luôn cả cái bóp tay cũng không còn là thế nào?

Đáp: Phở (nghĩa là cùng khắp mọi nơi).

Sư thượng đường. Đại chúng mới vừa tụ tập, Sư lấy gậy đánh đập giải tán, rồi lại kêu: Đại chúng!

Chúng quay đầu lại thì Sư nói: Mặt trăng cong như cung, mưa ít mà gió nhiều.

Hỏi: Thế nào là ý Tổ Sư từ Ấn Độ đến?

Sư bèn đánh.

Một hôm thượng đường, đại chúng vân tập, Sư nói: Các người muốn cầu cái gì?

Rồi dùng cây gậy đuổi ra. Đại chúng không chịu giải tán.

Sư ngồi lại nói: Các người đều là kẻ say rượu. Hành cước như thế này sẽ bị người ta cười, mà hễ thấy nơi có chúng đông tám trăm, một ngàn thì chui vào, chẳng phải ham

chỗ nào nhiệt hay sao? Khi ta hành cước gặp trong đám cỏ có một vị nào liền cho một dùi trên đỉnh đầu xem họ nếu biết đau ngứa thì cung kính đem gạo cúng dường, đầu phải như các người hành cước dễ dàng như thế, làm sao được việc ngày nay (kiến tánh)? Các người đã xưng là người hành cước cũng phải phấn khởi tinh thần một chút. Các người còn biết trong nước Đại Đường không có thiên sư chăng?

- Khi ấy có tăng hỏi: Các nơi đều có tôn túc tự chúng khai thị giáo hóa. Tại sao lại nói không có Thiên Sư?

Sư nói: Chẳng phải nói là không có thiên, chỉ nói là không có Sư. Các ông tham thiên không nhìn thẳng chỗ hàm sâu vô minh, chỉ biết học theo ngôn ngữ để ghi nhớ chất đầy trong bụng, rồi đi khắp nơi tự xưng ta hiểu thiên. Hiểu thiên như thế có giải quyết được việc sanh tử của các ông chăng? Cần phải nỗ lực tham cứu chớ nên uống qua một đời, bị người ta cười. Nếu ngộ thì ngay đó ngộ, nếu không ngộ thì cứ tham đi.

Sư khai thị cho Bùi Công Mỹ rằng:

- Chư Phật với tất cả chúng sanh chỉ là một tâm, chẳng có pháp khác. Tâm này từ vô thủy đến nay chưa từng sanh chưa từng diệt, chẳng xanh chẳng vàng, vô hình vô tướng, chẳng thuộc hữu vô, chẳng phải mới cũ, không dài không ngắn, không lớn không nhỏ, siêu việt tất cả hạn lượng, tên gọi, dấu tích, đối đãi. Vật nào ngay bản thể đó là phải, động niệm liền sai. Cũng như hư không chẳng có biên giới, chẳng thể đo lường, chỉ một tâm này tức là Phật. Phật với chúng sanh chẳng có sai biệt mà chúng sanh thì chấp tướng hướng ngoại tìm cầu. Tìm cầu trở thành lạc lối, đem Phật tìm Phật, dùng tâm bắt tâm, trọn đời suốt kiếp cũng chẳng đắc được. Chẳng biết ngưng niệm dứt tướng thì Phật tự hiện tiền.

Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sanh, lúc làm chúng sanh tâm này chẳng bớt, lúc làm chư Phật tâm này chẳng thêm, cho đến lục độ vạn hạnh hằng sa công đức vốn tự đầy đủ, chẳng nhờ tu tập. Gặp duyên thì làm hết duyên thì thôi. Nếu chẳng qua quyết tin tự tâm Phật này mà muốn chấp tướng tu hành để cầu công dụng đều là vọng tưởng, đều trái với đạo. Tâm này tức là Phật chẳng còn Phật khác, cũng chẳng tâm khác. Tâm này sáng tỏ trong sạch như hư không chẳng có tướng mạo. Nếu cứ tâm động niệm liền trái pháp thể, gọi là chấp tướng. Từ vô thủy đến nay chẳng có Phật chấp tướng.

Nếu tu lục độ vạn hạnh muốn cầu thành Phật tức là thứ lớp. Từ vô thủy đến nay chẳng có Phật thứ lớp. Hễ ngộ được tâm này thì không có một mảy may pháp để đắc, ấy tức là chân Phật, Phật với chúng sanh tất cả không khác. Cũng như hư không chẳng tạp nhiễm chẳng hủy hoại, như mặt trời chiếu khắp bốn thiên hạ, khi mặt trời lên sáng khắp thiên hạ, hư không chưa từng sáng, khi mặt trời lặn tối khắp thiên hạ, hư không chưa từng tối. Cái cảnh sáng tối tự đoạt lẫn nhau mà tánh của hư không thì rõ ràng chẳng biến đổi. Phật và chúng sanh tâm cũng như thế.

Nếu xem tướng Phật cho là thanh tịnh, quang minh, giải thoát, xem tướng chúng sanh cho là ô trược, ám muội, sanh tử, nếu hiểu theo như thế thì trái qua hằng sa kiếp cũng chẳng đắc bồ đề, tại vì chấp tướng. Thực ra chỉ có một tâm này, không có một chút pháp bằng vi trần cho mình đắc được. Tức tâm là Phật, người học đạo đời nay chẳng ngộ tâm thể này, cứ ở nơi tâm sanh tâm, hướng bên ngoài cầu Phật, chấp theo tướng tu hành, đều là pháp tà chẳng phải đạo bồ đề.

Nói cúng dường mười phương chư Phật không bằng cúng dường một đạo nhân vô tâm. Tại sao? Kẻ vô tâm là vô tất cả tâm, chẳng phải tuyệt không. Cái bản thể như

như bên trong như gỗ đá chẳng lay chẳng động, bên ngoài như hư không chẳng nghèn chẳng ngại, vô năng sở, vô phương sở, vô tướng mạo, vô đặc thất. Kẻ tu chẳng dám vào pháp này, e sợ dọa vào rỗng không chẳng chỗ đứng chân, nên cảm thấy khó, rồi lui sụt. Trái lại đều rộng cầu tri kiến, cho nên kẻ cầu tri kiến thì rất nhiều, kẻ ngộ đạo thì rất ít.

Nói Văn Thù là xứng với lý, nói Phổ Hiền là xứng với hạnh, nói lý là lý chân không vô ngại, nói hạnh là hạnh lia tướng vô tận.

Quan Âm xứng với đại từ, Thế Chí xứng với đại trí. Duy Ma Cật dịch là Tịnh Danh. Tịnh là tánh, danh là tướng, tánh tướng chẳng khác nên gọi là Tịnh Danh.

Những biểu hiện của chư đại Bồ Tát, con người đều sẵn có, thật chẳng lia một tâm này, hề ngộ thì đủ. Nay người học đạo chẳng hướng ngay tự tâm mà ngộ lại ở bên ngoài lấy cảnh chấp tướng, đều trái với đạo.

Phật nói hằng hà sa, sa tức là cát, chư Phật Bồ Tát Thích Phạm chư Thiên đi qua cát cũng không vui, trâu dê trùng kiến bò qua cát cũng không giận. Châu báu hương thơm cát cũng không tham, phần nước tiểu hôi thối cát cũng không ghét. Dụ như tâm này, tức cái tâm của vô tâm, lia tất cả tướng, chúng sanh chư Phật chẳng có khác biệt, hề được vô tâm thì đến cứu kính. Người học đạo nếu chẳng ngay đó vô tâm, dù nhiều kiếp tu hành cũng chẳng thành đạo, vì bị công hạnh của tam thừa trói buộc chẳng được giải thoát. Nhưng chúng ngộ tâm này có nhanh chậm, có kẻ nghe pháp trong một niệm liền được vô tâm, có kẻ đến thập địa mới được vô tâm. Lâu mau cũng phải đến vô tâm mới xong (chẳng phải tuyệt không).

Lúc ấy mới biết vô tu vô chứng, thật vô sở đắc. Sự chân thật bất hư trong một niệm mà được với thập địa mới được công dụng bằng nhau không có sâu cạn, chỉ là trải qua nhiều kiếp uổng chịu lao nhọc mà thôi. Tạo ác tạo thiện đều là chấp tướng. Chấp tướng tạo ác thì uổng chịu luân hồi, chấp tướng tạo thiện thì uổng chịu lao nhọc, đều không bằng ngay đó tự nhận lấy bản pháp. Pháp này tức tâm, ngoài tâm chẳng pháp, tâm này tức pháp, ngoài pháp chẳng tâm. Tâm tự vô tâm, cũng chẳng có kẻ vô tâm, nếu đem tâm làm cho vô tâm thì tâm lại thành có. Kẻ ngộ dứt tuyệt tư nghi chỉ mặc kệ (âm thầm kệ ngộ) mà thôi, nên nói "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt" (đường ngôn ngữ dứt, nơi suy nghĩ diệt).

Bổn nguyên của tâm này vốn thanh tịnh, chư Phật Bồ Tát trời người cho đến sâu bọ hàm linh, bản thể Phật tánh đều chẳng khác, chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo đủ thứ nghiệp, trên bản thể Phật tánh thật chẳng một vật, miễn cưỡng nói là hư không tịch tịnh minh diệu an lạc mà thôi. Nếu tự ngộ nhập thì ngay đó đầy đủ chẳng gì thiếu sót, dầu cho trải qua vô số kiếp tinh tấn tu hành được nhiều quả vị, khi một niệm chứng đắc chỉ chứng bản lai tự tánh Phật, hưởng thượng chẳng thêm được một vật, khi ấy trở lại xem công dụng của nhiều kiếp đều là việc vọng trong chiêm bao, nên Như Lai nói: "Ta ở nơi Vô Thượng Bồ Đề thật vô sở đắc. Nếu có sở đắc thì Nhiên Đăng Phật không thọ ký cho ta thành Phật".

Hỏi: Thế nào là Phật?

Sư nói: Tâm người là Phật, Phật tức là tâm. Tâm với Phật chẳng khác nên nói tức tâm tức Phật. Nếu lia nơi tâm thì chẳng có Phật nào khác.

Hỏi: Nếu tự tâm là Phật, Tổ Sư từ Ấn Độ đến truyền thọ như thế nào?

Đáp: Tổ Sư đến chỉ truyền tâm Phật, chỉ thẳng tâm của các người vốn là Phật. Tâm tâm chẳng khác nên gọi là Tổ. Nếu ngay đó thấy ý này tức đôn siêu tam thừa. Tất cả quý vị bản tâm là Phật, chẳng nhờ tu mới thành.

Hỏi: Nếu như thế mười phương chư Phật ra đời thuyết pháp gì?

Đáp: Mười phương chư Phật ra đời chỉ cùng thuyết một tâm pháp, cho nên Phật mật phó cho Ma Ha Ca Diếp bản thể một tâm pháp này cùng hư không khắp pháp giới. Dù gọi là giáo lý Phật pháp, cái pháp này đâu phải cho người ở trên lời nói mà hiểu được nó, cũng không thể ở trên một cơ một cảnh mà thấy được nó. Kể ngộ chỉ là mặc kệ ý này. Môn này gọi là pháp môn vô vi, nếu muốn hiểu chỉ cần vô tâm, bỗng ngộ liền được. Nếu dùng tâm muốn học lấy thì lại càng xa cách. Nếu chẳng có tâm đi đường tẻ, chẳng có tất cả tâm thủ xả, tâm như gỗ đá, mới có phần học đạo.

Hỏi: Hiện có đủ thứ vọng niệm đâu thể nói vô?

Đáp: Vọng vốn chẳng bản thể, chỉ do tâm người sở khởi. Người nếu biết tâm là Phật thì tâm vốn chẳng vọng, đâu thể khởi tâm nhận tâm là vọng. Người nếu chẳng sanh tâm động niệm, tự nhiên chẳng vọng. Cho nên nói tâm sanh thì mỗi mỗi pháp sanh, tâm diệt thì mỗi mỗi pháp diệt.

Hỏi: Nay khi đang khởi vọng niệm thì Phật ở đâu?

Đáp: Ngay khi người giác vọng khởi, giác chính là Phật. Hễ không có vọng niệm thì Phật cũng không. Tại sao như thế? Vì người khởi tâm tác Phật-Kiến (tri kiến) thì nói có Phật để thành, tác chúng sanh kiến thì nói có chúng sanh để độ. Khởi tâm động niệm đều là chỗ tri kiến của người. Nếu chẳng có tất cả tri kiến thì Phật đâu có xứ sở. Cũng như Văn Thù mới sanh khởi Phật-kiến pháp-kiến liền bị đày đi hai núi Thiết Vi.

Hỏi: Nay ngay khi ngộ thì Phật ở đâu?

Đáp: Cái hỏi từ đâu đến? Cái giác từ đâu khởi? Động tịnh nói nín, tất cả thanh sắc đều là Phật sự, còn nơi nào tìm Phật? Đâu thể trên đầu lại thêm đầu, trên miệng lại thêm miệng. Nếu chẳng sanh tri kiến khác biệt thì núi là núi, sông là sông, tảng là tảng, tục là tục. Sơn hà đại địa, nhật nguyệt tinh tú, trọn chẳng ở ngoài tâm người. Đại thiên thế giới đều là cái tự kỷ của người, chỗ nào còn vật này vật nọ? Ngoài tâm chẳng pháp, đầy mắt núi xanh. Cả hư không thế giới rõ ràng chẳng có mây may để cho người làm kiến giải. Nên nói tất cả thanh sắc đều là huệ nhãn của Phật.

Pháp chẳng tự khởi, nhờ cảnh mới sanh. Vì tiếp vật độ sanh mới nói có nhiều trí tuệ. Thực ra suốt ngày nói đâu từng nói, suốt ngày nghe đâu từng nghe, cho nên Phật Thích Ca bốn mươi chín năm thuyết pháp chưa từng nói một chữ là vậy.

Hỏi: Nếu như thế chỗ nào là Bồ Đề?

Đáp: Bồ Đề chẳng có chỗ. Phật cũng chẳng đắc Bồ Đề, chúng sanh cũng chẳng mất Bồ Đề. Chẳng thể dùng thân đắc, chẳng thể dùng tâm cầu. Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ Đề.

Hỏi: Làm sao phát Bồ Đề tâm?

Đáp: Bồ Đề vô sở đắc, nay người hãy phát tâm vô sở đắc, quyết định chẳng đắc một pháp tức là Bồ Đề tâm. Bồ Đề chẳng có chỗ trụ cho nên chẳng có kẻ đắc, nên Phật Thích Ca nói: "Ta ở nơi Phật Nhiên Đăng chẳng có chút pháp nào để đắc mới được thọ ký thành Phật". Đã biết rõ tất cả chúng sanh vốn là Bồ Đề, không nên lại đắc thêm Bồ Đề. Nay người nghe nói phát Bồ Đề tâm thì muốn dùng tâm đi học để thành Phật, dẫu cho người trải qua ba vô số kiếp tu cũng chỉ được cái báo thân, hóa thân Phật còn đối với cái bản nguyên tự tánh Phật của người chẳng dính dáng gì cả. Nên nói cầu Phật hữu tướng bên ngoài đâu bằng Phật của chính người.

Lại nói pháp ấy bình đẳng chẳng có cao thấp gọi là Bồ Đề. chính cái tâm bản nguyên thanh tịnh này với chúng sanh chư Phật, thể giới sơn hà, hữu tướng vô tướng, khắp mười phương cõi, tất cả bình đẳng, chẳng có tướng ta tướng người. Cái tâm bản nguyên thanh tịnh này thường tự tròn đầy sáng tỏ chiếu soi khắp nơi, người đời chẳng ngộ chỉ nhận kiến văn giác tri là tâm, bị kiến văn giác tri che khuất cho nên chẳng thấy cái bản thể tinh diệu sáng tỏ. Nếu ngay đó vô tâm thì bản thể tự hiện như mặt trời trên hư không chiếu khắp mười phương chẳng gì chướng ngại. Người học đạo chớ nên chỉ nhận kiến văn giác tri, động tác làm việc, cho đó là tâm, cũng chớ nên bỏ hẳn kiến văn giác tri khiến cho đường tâm bị bít tuyệt chẳng có chỗ nhập. Hãy ngay nơi kiến văn giác tri nhận bản tâm, nhưng bản tâm chẳng thuộc kiến văn giác tri cũng chẳng lìa kiến văn giác tri. Chớ nên ở nơi kiến văn giác tri sanh khởi kiến giải, nghĩa là chớ ở nơi kiến văn giác tri động niệm. Cũng chớ lìa kiến văn giác tri tìm tâm, cũng chớ bỏ kiến văn giác tri lấy pháp. Bất tức bất ly, chẳng trụ chẳng chấp, tung hoành tự tại đều là đạo tràng.

Nếu muốn biết yếu quyết chỉ cần ở nơi tâm chớ dính mắc một vật. Kinh nói chân pháp thân của Phật cũng như hư không, ấy là dụ pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân. Người thường cho pháp thân khắp nơi hư không, nói trong hư không hàm chứa pháp thân, chẳng biết pháp thân tức là hư không, hư không tức là pháp thân vậy. Nếu nhất định nói có hư không, hư không chẳng phải pháp thân, nếu nhất định nói có pháp thân, pháp thân chẳng phải hư không, ấy là bệnh lớn. Khi thấy hư không chớ cho là hư không, hư không tức pháp thân, nhưng cũng chớ chấp cho là pháp thân. Vì pháp thân tức hư không, hư không với pháp thân chẳng khác tướng, Phật với chúng sanh chẳng khác tướng, sanh tử với niết bàn chẳng khác tướng, phiền não với bồ đề chẳng khác tướng. Lìa tất cả tướng tức là Phật.

Phàm phu chấp cảnh, ngoại đạo chấp tâm, tâm cảnh đều quên, mới là chân pháp. Quên cảnh còn dễ, quên tâm rất khó. Người thường chẳng dám quên tâm, e sợ đọa vào rỗng không, chẳng chỗ đứng chân. Chẳng biết Không vốn chẳng không, chỉ là nhất chân pháp giới mà thôi.

Hỏi: Thấy tánh là thế nào?

Đáp: Tánh tức là thấy, thấy tức là tánh, chẳng thể lấy tánh thấy thêm tánh. Nghe tức là tánh, chẳng thể lấy tánh nghe thêm tánh. Chỉ vì người cho là có cái tánh thấy, nghe, tánh ấy năng thấy, năng nghe, nên mới có những pháp đồng, dị sanh khởi.

Kinh nói rõ ràng cái sở thấy đó chính là tánh người rồi chẳng thể thấy nữa, nếu thấy nữa tức là người ở trên đầu lại sanh thêm đầu. Trong kinh nói rõ ràng dù thứ hạt châu trong mâm, lớn thì tròn theo lớn, nhỏ thì tròn theo nhỏ, mỗi mỗi chẳng biết nhau, mỗi mỗi chẳng ngại nhau. Những hiện tượng thế giới lúc khởi chẳng nói ta khởi, lúc diệt chẳng nói ta diệt, cho nên tứ sinh lục đạo chưa có pháp nào chẳng trụ như thời.

Lược Giải

Tứ sanh lục đạo chưa có pháp nào chẳng trụ như thời:

Kinh Pháp Hoa nói:

*Pháp đó trụ ngôi pháp,
Thế gian tương thường trụ.*

Nghĩa là pháp nào trụ theo ngôi pháp đó, cũng như pháp sanh trụ ngôi sanh, pháp diệt trụ ngôi diệt. Tướng thế gian sanh diệt từng sát na, những pháp sanh diệt ấy trụ theo thời điểm của sát na đó, cho nên nói chưa có pháp nào chẳng trụ như thời.

Lại chúng sanh chẳng thấy Phật, Phật chẳng thấy chúng sanh tứ quả chẳng thấy tứ hướng (1), tứ hướng chẳng thấy tứ quả, tam hiền thập thánh chẳng thấy Đản Giác Diệu Giác, Đản Giác Diệu Giác chẳng thấy tam hiền thập thánh, cho đến thủy chẳng thấy hỏa, hỏa chẳng thấy thủy, địa chẳng thấy phong, phong chẳng thấy địa, chúng sanh chẳng nhập pháp giới, chư Phật chẳng xuất pháp giới, cho nên pháp tánh chẳng khứ lai, chẳng năng sở. Tánh đã như thế vì sao còn nói ta thấy ta nghe?

Thiện tri thức thuyết pháp cho ta, chư Phật ra đời thuyết pháp cho chúng sanh, đều muốn chúng ta ngay đó khế ngộ tánh này. Ca Chiên Diên chỉ vì dùng tâm sanh diệt để truyền pháp thực tướng nên bị Duy Ma Cật quờ. Kinh nói rõ ràng tất cả pháp vốn chẳng có trói đầu cần mở nó, vốn chẳng có nhiễm đầu cần tịnh nó. Nên nói: "Thực tướng như thế há có thể thuyết ư!"

Ghi chú:

(1)Tứ Hướng: Từ nhân hướng đến quả gọi là hướng, như từ sơ cơ hướng đến sơ quả, từ sơ quả hướng đến nhị quả, nhị quả hướng đến tam quả, tam quả hướng đến tứ quả, gọi là tứ hướng.

Nay người chỉ tự lập tâm thị phi, tâm nhiễm tịnh, học được một tri một giải, đi đạo khắp thiên hạ tự đắc khoe tài gặp ai cũng muốn làm thầy cho họ. Thực ra thì ai có tâm có mắt, ai mạnh ai yếu? Nếu chấp như thế thì cách xa như trời với đất, còn nói gì thấy tánh!

Hỏi: Đã nói tánh tức thấy, thấy tức tánh, thế thì tánh tự chẳng chướng ngại, chẳng giới hạn. Tại sao cách vật thì không thấy? Lại ở nơi hư không, gần thì thấy, xa thì không thấy, ấy là tại sao?

Đáp: Ấy là vọng sanh dị kiến (*cái thấy có khác*) của người. Nếu nói cách vật chẳng thấy hoặc thấy có xa gần, thì nói bản tánh có cách ngại. Thật ra đều chẳng dính dáng, vì bản tánh phi kiến phi bất kiến, pháp cũng phi kiến phi bất kiến, nếu người thấy bản tánh cùng khắp không gian thời gian thì ở đâu chẳng phải bản tánh của người. Cho nên lục đạo tứ sinh sơn hà đại địa đều là tánh thể trong sạch sáng tỏ của ta. Nên nói thấy sắc thì thấy tâm, sắc tâm chẳng khác, chỉ vì chấp tướng đuổi theo kiến văn giác tri, nếu xóa bỏ vật trước mắt mới cho là chứng đắc, ấy là đọa vào kiến giải y thông (dựa theo thần thông) của người nhị thừa. Còn nói trong hư không gần thì thấy xa thì chẳng thấy, ấy là thuộc về ngoại đạo. Kinh nói rõ ràng: "Chẳng trong cũng chẳng ngoài, chẳng gần cũng chẳng xa". Gần mà chẳng thể thấy ấy là tánh của vạn vật (như lông mi ở sát ngay mắt mà mắt không thấy). Gần còn chẳng thể thấy huống là nói xa mà chẳng thấy, vậy có ý nghĩa gì đâu?

Hỏi: Phật hết sạch vô minh chẳng?

Đáp: Vô minh tức là chỗ đắc đạo của tất cả chư Phật cho nên nói duyên khởi là đạo tràng, vì có vô minh mới có đắc đạo. Sở thấy một trần một sắc đều hợp với lý tánh vô biên, giở chân đặt chân chẳng lìa đạo tràng. Nói đạo tràng tức là vô sở đắc, ta nói với người ngay cái vô sở đắc đó gọi là tọa đạo tràng.

Hỏi: Nói vô minh là sáng hay là tối?

Đáp: Chẳng sáng chẳng tối. Sáng tối là pháp sanh diệt, vô minh lại chẳng sáng cũng chẳng tối. Nói chẳng sáng vì tự tánh vốn minh, do chấp tâm sanh ra phân biệt mới có minh với vô minh. Lời nói chẳng sáng chẳng tối này đã nhiều loạn biệt bao nhiêu con mắt của thiên hạ! Nên kinh nói: "Giả sử khắp thế gian, đều như Xá Lợi Phất, tận sức cùng suy lường, chẳng thể thấu trí Phật".

Trí huệ Phật là trí huệ vô ngại, siêu việt hư không, chẳng có chỗ cho người luận bàn. Cũng như đại thiên thế giới rất rộng lớn có một Bồ Tát chỉ bước một bước thì qua khỏi, nhưng cũng chẳng ra khỏi một lỗ chân lông của Phổ Hiền. Vậy người nay lấy bản lĩnh gì mà muốn học nó.

Hỏi: Đã là học không được tại sao còn nói "về cội tánh chẳng hai, phương tiện có nhiều lối" là thế nào?

Đáp: "Về cội tánh chẳng hai" nghĩa là: thực tánh của vô minh tức là Phật tánh. "Phương tiện có nhiều lối" nghĩa là: sở thấy của bậc thánh có nhiều lối khác nhau, bậc Thanh Văn thấy vô minh sanh vô minh diệt, bậc Duyên Giác chỉ thấy vô minh diệt chẳng thấy vô minh sanh, niệm niệm chứng tịch diệt, còn chư Phật thì thấy chúng sanh suốt ngày sanh mà vô sanh, suốt ngày diệt mà vô diệt, vô sanh vô diệt tức là quả Đại Thừa cho nên nói: "Quả mãn Bồ Đề viên, hoa khai thế giới khởi".

Giờ chân là Phật, đặt chân là chúng sanh. Nói chư Phật lưỡng tức tôn nghĩa là lý tức, sự tức, chúng sanh tức, sanh tử tức, tất cả đều tức. Tức nên chẳng cầu, nay người niệm niệm muốn học Phật tức là chê bai chúng sanh. Nếu chê bai chúng sanh tức là phi báng mười phương chư Phật. Cho nên Phật ra đời cầm đồ trừ phần để trừ phần của hý luận, chỉ là bảo người trừ bỏ cái tâm ham học ham thấy từ xưa nay. Hễ trừ hết sạch thì chẳng đọa hý luận cũng gọi là đem phần ra, nghĩa là bảo người chẳng sanh tâm. Tâm nếu chẳng sanh tự nhiên thành người đại trí, quyết định chẳng phân biệt Phật với chúng sanh. Tất cả đều chẳng phân biệt mới được vào cửa Tào Khê ta. Nên bậc Thánh nói: "Nếu hành pháp môn ta, phải biết ta lấy vô hành làm pháp môn của ta. Pháp môn này gọi là nhất tâm môn (cửa một tâm). Mọi người đến cửa này đều chẳng dám vào nên chẳng đắc đạo. Chẳng phải không ai đắc chỉ là ít người đắc. Kẻ đắc tức là Phật".

Người học đạo trước tiên nên bỏ các duyên tạp học, quyết định chẳng cầu, quyết định chẳng chấp, nghe pháp thâm sâu giống như gió thoảng qua lỗ tai, qua rồi thì thôi chẳng truy tầm nữa, ấy mới gọi là thâm sâu. Tức là vào Như Lai Thiên, lia "sanh Thiên tướng" (sanh tâm cho là Thiên gọi là sanh Thiên tướng). Tổ Sư từ xưa nay chỉ truyền một tâm, chẳng có hai Phật, chỉ thẳng tâm người tức là Phật, đốn siêu Đăng Giác Diệu Giác. Chỉ một tâm bản niệm, quyết định chẳng chảy ra niệm thứ hai mới vào được thiên môn ta. Pháp vốn như thế, các người đối với chỗ này tính làm sao mà học? Cho nên nói khi tâm tính muốn thì bị ma của tâm tính muốn trói buộc, khi tâm chẳng tính muốn lại bị ma của tâm chẳng tính muốn trói buộc, ma chẳng từ ngoài đến, từ tự tâm người ra. Chỉ có Bồ Tát Vô Thân Thông thấu tích chẳng thể tìm. Trong bất cứ lúc nào, nếu tâm cho là thường tức là ngoại đạo thường kiến, nếu xem tất cả pháp không, trụ nơi không kiến, tức là ngoại đạo đoạn kiến. Cho nên nói tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Ấy còn là đối với người tà kiến ngoại đạo mà nói. Nếu nói pháp thân là quả cùng tốt, ấy còn là đối với tam hiền thập thánh mà nói. Nên Phật phải đoạn dứt hai thứ ngu, một là vi tế sở tri ngu, hai là cực vi tế sở tri ngu. Phật đã như thế còn nói gì đến Đăng Giác Diệu Giác nữa.

Nay mọi người chỉ muốn sáng, không muốn tối, chỉ muốn cầu ngộ không muốn phiền não vô minh, cứ cho Phật là giác, chúng sanh là vọng. Nếu sanh kiến giải như thế thì muôn ngàn kiếp phải chịu luân hồi lục đạo không thể đoạn dứt được. Tại sao vậy? Vì phi báng bốn nguyên tự tánh của chư Phật. Kinh nói rõ ràng: "Phật cũng chẳng sáng, chúng sanh cũng chẳng tối vì pháp chẳng sáng tối; Phật cũng chẳng mạnh, chúng sanh cũng chẳng yếu, vì pháp chẳng mạnh yếu; Phật cũng chẳng trí, chúng sanh cũng chẳng ngu, vì pháp chẳng trí ngu". Tất cả chỉ vì người tự đắc khoe tài, ló đầu ra cho là hiểu thiên hiểu đạo, không biết rằng mở miệng ra liền mắc bệnh, chẳng nói gốc chỉ nói ngọn, chẳng nói mê chỉ nói ngộ, chẳng nói thể chỉ nói dụng. Thực ra đâu có chỗ

để cho người luận bàn, vì tất cả pháp xưa vốn chẳng có, nay cũng chẳng không, duyên khởi chẳng có, duyên diệt chẳng không. Bản thể cũng chẳng có, vì bản thể tức phi bản thể, tâm cũng chẳng tâm vì tâm tức phi tâm, tướng cũng chẳng tướng, vì tướng tức phi tướng. Cho nên nói: "Vô pháp vô bản tâm, mới hiểu tâm tâm pháp, pháp tức phi pháp, phi pháp tức pháp, vô pháp vô phi pháp, nên gọi tâm tâm pháp".

Thình linh sanh khởi một niệm liễu tri như huyền như hóa liền chảy vào Phật quá khứ. Phật quá khứ lại chẳng có, Phật vị lai lại chẳng không, lại cũng chẳng gọi là Phật vị lai. Hiện tại niệm niệm chẳng trụ cũng chẳng gọi là Phật hiện tại. Nếu khi chư Phật sanh khởi không nên cho đó là giác, là mê, là thiện, là ác, không được chấp trước chướng ngại nó, đoạn dứt nó. Như một niệm bỗng khởi, ngàn lớp cửa khóa khóa chẳng được, muôn sợi dây cột cột chẳng được. Nếu đã như thế sao lại còn muốn diệt nó, ngưng nó. Kinh nói rõ ràng: Cái thức huyền hóa của người, người làm sao tính muốn đoạn dứt nó, dụ như dương diệm (1), người nói gần thì mười phương thế giới tìm chẳng được, người nói xa thì lúc xem lại ngay trước mắt, người muốn đuổi theo, nó lại rời xa, người muốn tránh nó thì nó trở lại đuổi theo người. Lấy chẳng được, bỏ cũng chẳng được. Nếu pháp đã như thế thì nên biết tất cả pháp tánh tự nó vốn như vậy thì chẳng cần lo âu cho nó. Cũng như nói tiền niệm là phạm hậu niệm là thánh, như bàn tay trở qua lật lại ấy còn là giáo lý cao tột của tam thừa. Nếu theo thiên tông ta thì tiền niệm cũng chẳng phải phạm, hậu niệm cũng chẳng phải thánh, tiền niệm chẳng phải Phật, hậu niệm chẳng phải chúng sanh. Cho nên nói: tất cả sắc là sắc Phật, tất cả thanh là thanh Phật. Hễ đề ra một lý thì tất cả lý đều vậy, thấy một sự là thấy tất cả sự, thấy một tâm là thấy tất cả tâm, thấy một đạo là thấy tất cả đạo. Tất cả nơi không nơi nào chẳng phải đạo. Thấy một trần như vậy thì mười phương thế giới núi sông đất đai đều vậy. Thấy một giọt nước tức là thấy tất cả nước trong mười phương thế giới.

(1)Ghi chú

Như phản ảnh của ánh sáng mặt trời rơi trên mặt đất, ở xa trông như có nước, đến gần thì không có gì cả, gọi là dương diệm.

Lại nữa, thấy tất cả pháp tức thấy tất cả tâm. Tất cả pháp vốn không, tâm thì chẳng không, chẳng không tức diệu hữu, hữu cũng chẳng hữu, chẳng hữu tức hữu, ấy là chân không diệu hữu. Nếu tất cả pháp đã như thế thì mười phương thế giới chẳng ra ngoài một tâm của ta, tất cả quốc độ cũng chẳng ra ngoài một niệm của ta. Nếu vậy thì còn nói gì trong với ngoài. Cũng như tánh mật là ngọt thì tất cả mật đều vậy, chẳng thể cho mật này ngọt mật kia đắng. Đâu có việc như thế! Cho nên nói: "Hư không chẳng trong ngoài, pháp tánh tự như vậy, hư không chẳng chính giữa, pháp tánh tự như vậy". Vậy thì chúng sanh tức Phật, Phật tức chúng sanh, chúng sanh với Phật vốn đồng một thể. Sanh tử niết bàn, hữu vi vô vi vốn đồng một thể. Thế gian xuất thế gian cho đến lục đạo tứ sanh, sơn hà đại địa, hữu tánh vô tánh cũng đồng một thể. Dù nói là đồng nhưng danh tướng đều không, hữu cũng không, vô cũng không, hằng sa thế giới trọn là một không. Nếu pháp đã như thế thì nơi nào có Phật độ chúng sanh, nơi nào có chúng sanh được Phật độ. Tại sao vậy? Tại tánh của vạn pháp vốn tự như vậy. Nếu cho là tự nhiên thì đọa vào ngoại đạo tự nhiên, nếu cho là vô ngã và ngã sở thì đọa vào ngôi tam hiền thập thánh. Nay người sao lại muốn đem thước kẻ để đo lường hư không.

Kinh nói rõ ràng: Pháp với pháp chẳng đến với nhau vì pháp tự tịch diệt. Ngay đó tự trụ, ngay đó tự chân. Vì thân không nên gọi pháp không, vì tâm không nên gọi tánh không, thân tâm đều không nên gọi pháp tánh không. Cho đến học thuyết ngàn lời khác biệt đều chẳng lia bản tâm của người. Nay nói những danh từ Bồ Đề, Niết Bàn,

Chân Như, Phật Tánh, Nhị Thừa, Bồ Tát đều là đem lá cây vàng cho là vàng ròng để lừa gạt trẻ con, cũng như nắm tay không khi mở ra thì tất cả trời người đều thấy trong bàn tay chẳng có một vật. Nên Lục Tổ nói: "Bỏ tay vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai". Bỏ tay đã vô vật thì tam tế (quá khứ, hiện tại, vị lai) vốn chẳng có, người học đạo nên thẳng tay đâm vào ngay đó ngộ ý này mới được.

Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ đến trải qua bao nhiêu quốc độ chỉ tìm được một mình Huệ Khả mật truyền tâm ấn. Nói ấn là ấn chứng bản tâm của người, lấy tâm ấn pháp, lấy pháp ấn tâm, tâm đã như thế, pháp cũng như thế. Đồng thực tế, đẳng pháp tánh, trong pháp tánh đã là không thì ai là người thọ ký, ai là người thành Phật, ai là người đắc pháp. Kinh nói rõ ràng Bồ Đề chẳng thể dùng thân đắc, vì thân vốn vô tướng, chẳng thể dùng tâm đắc, vì tâm vốn vô tướng, chẳng thể dùng tánh đắc, vì tánh tức là bản nguyên tự tánh thiên chân Phật, nên chẳng thể đem Phật để đắc thêm Phật, chẳng thể đem vô tướng để đắc thêm vô tướng, chẳng thể đem không để đắc thêm không, chẳng thể đem đạo để đắc thêm đạo. Vốn vô sở đắc, cái vô đắc cũng bất khả đắc, cho nên nói: Vô như pháp khả đắc. Nếu có đắc tức là trên đầu lại mọc thêm đầu.

Nay chỉ bảo người liễu đạt bản tâm, ngay khi liễu đạt rồi cũng chẳng thấy tướng liễu hay chẳng liễu. Cái pháp liễu này cũng bất khả đắc, kẻ đắc tức đắc, kẻ đắc chẳng tự biết, kẻ chẳng đắc cũng chẳng tự biết. Cái pháp như thế từ xưa đến nay đâu có mấy người được biết nên nói khắp thiên hạ kẻ quên mình đâu có mấy ai? Nay những người ở nơi một cơ một cảnh, một kinh một giáo, một thể một thời, một danh một tự, ở trước cửa lục căn mà lãnh hội được, những người ấy so với người múa rối đâu có khác.

Lược giải:

Chư Tổ nói "Y văn giải nghĩa tam thế Phật oan". Vì lời nói của chư Phật, chư Tổ chỉ là phương tiện tạm thời, nghĩa là tùy bệnh cho thuốc, ý của Phật chẳng phải ở trong văn tự. Nếu cứ y theo lời văn, rồi đem ý mình (vọng tâm) mà tìm hiểu thì nghịch với ý Phật, tức là làm oan cho Phật.

Giả sử nếu có một người nào chẳng ở nơi một danh một tướng lập kiến giải thì ta nói khắp mười phương thế giới muốn tìm kẻ như người này trọn chẳng thể được, vì chẳng có người thứ hai để kế thừa ngôi Tổ. Cũng nói dòng Thích Ca thuần nhất vô tạp. Nói tóm lại tất cả tự tánh sẵn đủ chớ nên tìm cầu nữa, hề tìm cầu thì liền mất cả thể dụng của chính mình, cũng như kẻ ngu ở trên núi kêu một tiếng, nghe tiếng vang ở dưới núi đáp lại liền chạy xuống núi đi tìm, tìm không được lại kêu một tiếng nữa, nghe tiếng vang trên núi đáp lại rồi lại chạy lên núi tìm. Cứ vậy lên lên xuống xuống tìm mãi trải qua muôn ngàn kiếp, chỉ là một người đuổi theo âm thanh, rốt cuộc thành một người lãng phí cuộc đời sanh tử của chính mình một cách oan uổng. Người phải biết vô thanh tức vô tiếng vì niết bản vốn vô thanh vô văn vô tri, tuyệt tông tuyệt tích, kẻ được như thế mới là ở sát cạnh bên Tổ Sư.

Ngài thượng đường rằng: Tức tâm là Phật, trên từ chư Phật, dưới đến sâu bọ hàm linh đều có Phật tánh, đồng một tâm thể, nên Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ đến chỉ truyền một tâm pháp, chỉ thẳng tất cả chúng sanh vốn là Phật, chẳng nhờ tu hành, chỉ cần nhận lấy tự tâm, thấy tự bản tánh, chớ nên tìm cầu cái khác. Thế nào là nhận lấy tự tâm? Cũng như cái hiện đang nói năng chính là tâm người, nếu chẳng nói năng lại chẳng tác dụng thì tâm thể giống như hư không, chẳng có tướng mạo cũng chẳng phương sở cũng chẳng phải tuyệt không có, vì có mà chẳng thể thấy, nên Tổ Sư nói: "Tâm địa tức chân tánh, chẳng đầu cũng chẳng đuôi, ứng duyên mà giáo hóa, phương tiện gọi là trí". Nếu khi chẳng ứng duyên chẳng thể nói hay không, đang khi ứng duyên cũng

chẳng dấu tích, đã biết như thế nay chỉ cần đi theo đường vô trụ của chư Phật. Kinh nói: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".

Tất cả chúng sanh dùng ý căn phan duyên tạo tác, trôi lăn trong lục đạo, sanh tử luân hồi chẳng ngừng, uổng chịu đủ thứ khổ như Duy Ma Cật nói: "Người khó hóa độ tâm như con khỉ phải dùng bao nhiêu thứ pháp kèm chế tâm họ rồi mới điều phục được". Nên nói tâm sanh thì mỗi mỗi pháp sanh, tâm diệt thì mỗi mỗi pháp diệt. Phải biết tất cả các pháp từ trời, người, a tu la cho đến địa ngục, lục đạo đều do tâm tạo, nay chỉ cần học vô tâm, các duyên bỗng ngưng, chớ sanh vọng tưởng phân biệt, vô nhân vô ngã vô tham sân, vô yêu ghét, vô thắng bại. Chỉ cần trừ bỏ đủ thứ vọng tưởng, bản tánh vốn tự thanh tịnh, tức là tu hành đúng theo Phật pháp, Bồ Đề v.v... Nếu chẳng ngộ ý này dẫn cho người siêng năng học rộng, khổ hạnh tu tập, ăn mặc cực khổ mà chẳng nhận thức tự tâm đều gọi là hạnh tà, đều thành thiên ma ngoại đạo, thủy lục chư thần. Tu hành như thế có ích lợi gì!

Bảo Chí Công nói: "Bản thể là tự tâm làm, đâu thể cầu nơi vắng lặng. Nay chỉ cần nhận thức tự tâm, ngưng nghỉ tư duy, vọng tưởng trần lao tự nhiên chẳng khởi".

Duy Ma Cật nói: "Chỉ để một giường nằm bệnh dụ cho tâm chẳng khởi. Hôm nay nằm bệnh phan duyên đều dứt, vọng tưởng tiêu diệt tức là Bồ Đề".

Nếu trong tâm lăng xăng tìm hiểu này nọ, dẫn cho người học đến các bậc tam thừa, tứ quả, thập địa, chỉ là ham ngồi trên thánh phàm đối đãi. Chẳng biết chư hạnh đều quy vô thường, thế lực đều có ngày tàn, cũng như bắn tên trên hư không, sức hết thì phải rơi xuống trở lại, vẫn về nơi sanh tử luân hồi. Tu hành như thế là chẳng hiểu ý Phật, uổng chịu cay đắng, sai lầm biết bao Bảo Chí Công nói: "Chưa gặp minh sư ra đời oan uổng pháp thuốc đại thừa".

Bất cứ lúc nào đi đứng nằm ngồi hãy học vô tâm, chẳng còn phân biệt, cũng chẳng nhờ cậy ai và dựa vào nơi nào, chẳng trụ chẳng chấp, suốt ngày thông thả tùy duyên, ngây ngây như người khờ ngốc. Người đời trọn chẳng biết được người, người cũng chẳng cần người ta biết hay không biết. Tâm như tảng đá chẳng có chút kẽ hở, tất cả pháp thấu tâm người chẳng lọt, ngây thơ chẳng dính mắc chỗ nào, như thế mới có ít phần tương ứng, mới thấu qua được cõi tam giới, gọi là Phật ra đời. Tâm tướng vô lậu, gọi là vô lậu trí. Chẳng làm nghiệp trời người, chẳng làm nghiệp địa ngục, chẳng khởi tất cả tâm, các duyên đều chẳng sanh, ngay thân tâm này là người tự do, không phải luôn luôn chẳng sanh, chỉ là tùy ý mà sanh. Kinh nói: "Bồ Đề có Ý Sanh Thân" là nghĩa này vậy. Nếu chưa ngộ vô tâm, chấp theo tướng mà tạo tác đều thuộc về nghiệp ma, cho đến làm Phật sự nào cũng đều thành nghiệp, gọi là chướng Phật vì chướng ngại tâm người, bị nhân quả quản thúc, đi ở chẳng có phần tự do.

Nên nói: Các pháp Bồ Đề vốn chẳng phải có, Như Lai sở thuyết đều là lời của người huyền hóa, cũng như lá cây vàng cho là vàng ròng để gạt trẻ con cho nín khóc, thực chẳng có pháp gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Nay nếu đã ngộ ý này thì trong tâm rõ ràng là phải tẩy sạch kiến giải từ xưa nay, đâu cần bận việc lăng xăng, chỉ tùy duyên tiêu nghiệp cũ, chớ tạo thêm nghiệp mới. Kinh Pháp Hoa nói: "Trong hai mươi năm luôn luôn trừ phần" là trừ bỏ những kiến giải trong tâm, cũng gọi là quét trừ phần của hý luận cho nên nói Như Lai Tạng vốn tự không tịch, chẳng còn để lại một pháp nào.

Kinh nói: "Quốc độ chư Phật cũng đều là không", nếu nói Phật đạo do tu học mà đắc, hoặc ở nơi một cơ một cảnh nương mây nháy mắt, vấn đáp ăn khớp cho là khế hội, cho là chứng ngộ lý thiên, kiến giải như thế đối với Phật pháp trọn chẳng dính dáng.

Có kẻ ham làm thầy dạy người, gặp người không hiểu thì nói họ ngu không biết. Nếu họ hiểu đúng ý mình thì trong tâm liền sanh hoan hỷ. Nếu không bằng họ, bị họ hàng

phục, cãi không lại họ, liền sanh tâm sân hận, ôm tâm ý như thế để học thiền dẫn cho người ngộ được nhiều đạo lý, ấy chỉ là đắc cái pháp tâm sở, đối với thiền đạo trọn chẳng dính dáng. Cho nên Đạt Ma xoay mặt hướng vách không cho người có chỗ thấy (kiến giải), nên nói: "Quên cơ là Phật đạo, phân biệt là ma vương". Tánh này dẫn cho người khi mê cũng chẳng mất, khi ngộ cũng chẳng đắc, tự tánh thiện chân vốn chẳng mê ngộ. Hư không khắp mười phương cõi vốn là một tâm thể ta, dẫn cho người vận dụng tạo tác đâu thể lìa khỏi hư không. Hư không vốn chẳng lớn nhỏ, vô lậu vô vi, vô mê vô ngộ, liễu liễu kiến, vô nhất vật, cũng vô chúng sanh vô chư Phật, cách tuyệt số lượng, chẳng có chỗ mảy may để y nhờ dính mắc.

Một dòng nước trong sạch ấy là vô sanh pháp nhẫn của tự tánh, đâu có chỗ để suy lường tính toán. Chân Phật chẳng miệng, không hiểu thuyết pháp, chân thánh chẳng tai, ai mà nghe ư!

Lại nói, hễ vô tất cả tâm tức là vô lậu trí, người mỗi ngày đi đứng ngồi nằm, tất cả ngôn ngữ chớ nên dính mắc pháp hữu vi thì nói nín, nháy mắt đều đồng như vô lậu. Nay thời mật pháp kẻ học thiền đạo phần nhiều đều bị dính mắc tất cả thanh sắc. Tại sao không để cho ta tâm tâm đồng như hư không, như cây khô tăng đá, như tro lạnh lửa tắt, mới có ít phần tương ứng. Nếu chẳng như thế thì ngày sau đều sẽ bị Diêm La Vương tra khảo. Người hãy lìa bỏ các pháp hữu và vô, tâm như mặt trời thường ở tại hư không, ánh sáng tự nhiên chẳng chiếu mà chiếu, ấy là việc ít phí sức biết bao. Khi đó thì chẳng có chỗ để trụ tức là hành cái hạnh của chư Phật, cũng là "ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm". Đây là pháp thân thanh tịnh của người, gọi là vô thượng Bồ Đề. Nếu chẳng ngộ ý này, dẫn cho người học được nhiều tri giải, siêng năng cực khổ tu hành mà chẳng tin tự tâm thì đều gọi là hạnh tà.

Lại nói, nay người bất cứ lúc nào chỉ học vô tâm, lâu ngày sẽ được chứng đắc. Vì sức người còn nhỏ chẳng thể đốn ngộ, phải trải qua năm, mười năm khi cơ duyên đến mới được ngộ nhập.

Vì có tham sân si mới lập giới định huệ, nếu vốn chẳng phiền não thì đâu có Bồ Đề, nên Tổ Sư nói: "Phật thuyết tất cả pháp, vì độ tất cả tâm, ta chẳng tất cả tâm, đâu cần tất cả pháp". Nơi bản nguyên thanh tịnh Phật chẳng dính mắc một vật. Ví như hư không dù dùng vô lượng thất bảo để trang nghiêm đều chẳng thể trụ, Phật tánh đồng như hư không dù dùng vô lượng công đức trí huệ để trang nghiêm cũng chẳng thể trụ. Vì mê bản tánh nên chẳng tự thấy mà thôi. Nói pháp môn tâm địa, vạn pháp đều y tâm này kiến lập, gặp cảnh thì có, lìa cảnh thì không. Chẳng thể ở nơi tánh thanh tịnh sanh ra tri giải để làm cảnh. Những lời nói như định huệ, chiếu soi, công dụng, sáng tỏ, tịch tịch, tỉnh tỉnh, kiến văn giác tri v.v... đều là đem kiến giải làm cảnh, tạm vì người trung hạ căn thuyết thì được, đối với người muốn thân chứng thì chẳng nên có kiến giải như thế.

Nói hai chữ hoá thành nghĩa là từ nhị thừa cho đến thập địa, Đẳng Giác, Diệu Giác đều là giáo pháp tùy nghi để tiếp dẫn hậu học, đều thuộc về hóa thành. Nói hai chữ Bảo Sở là bảo của chân tâm tự tánh bản Phật, bảo này chẳng thuộc tình lượng (tình thức số lượng), chẳng thể kiến lập, vô Phật vô chúng sanh, vô năng vô sở.

Hỏi: Đây đã là hóa thành nơi nào là Bảo Sở?

Đáp: Bảo Sở chẳng thể chỉ, chỉ được thì có phương sở, chẳng phải chân Bảo Sở vậy. Nên chỉ có thể nói ở gần mà thôi, chẳng thể nói lời nhứt định, cần nên thể cứu, ngay đó tự khế ngộ mới được.

Nói xiển đề là kẻ lòng tin chẳng đầy đủ vậy. Tất cả chúng sanh trong lục đạo cho đến nhị thừa chẳng tin có quả Phật đều gọi là xiển đề đoạn dứt thiện căn; những Bồ Tát tin

chắc có Phật pháp, chẳng thấy có đại thừa tiêu thừa, Phật với chúng sanh đồng một pháp tánh, gọi là xiển đề thiện căn.

Người thường cho là cảnh chướng ngại tâm, sự chướng ngại lý, cứ muốn tránh cảnh để an tâm, bỏ sự để lập lý, chẳng biết thực ra là tâm chướng ngại cảnh, lý chướng ngại sự. Hễ khiến tâm không thì cảnh tự không, hễ cho lý tịch thì sự tự tịch, chớ nên dụng tâm điên đảo vậy. Nhiều người thường chẳng chịu cho tâm không vì e sợ dọa nơi rộng không, chẳng biết tự tâm vốn không*. Kẻ ngu trừ sự chẳng trừ tâm, người trí trừ tâm chẳng trừ sự.

Ghi chú:

**Tâm không: Tâm không là bản thể của Tâm, chẳng thể thêm bớt. Nếu nói "Tri" thì là thêm, nói "Vô Tri" thì là bớt, vì Tri và Vô Tri là có năng sở đối đãi, thuộc về pháp sanh diệt, chẳng phải Tự Tánh vốn tịch diệt.*

Tâm của Bồ Tát như hư không, tất cả đều xả, làm nhiều phước đức đều chẳng tham nhiễm. Nhưng xả có ba bậc; thân tâm trong ngoài tất cả đều xả cũng như hư không không có lấy bỏ, rồi tùy nghi ứng vật, năng sở đều quên, ấy là đại xả; nếu một bên vừa hành đạo bố đức một bên vừa xả, chẳng có tâm hy vọng gì, ấy là trung xả; nếu rộng tu phước thiện, có sở hy vọng, nghe pháp biết vạn vật tánh không mới chẳng chấp trước, ấy là tiểu xả. Đại xả như đèn đuốc ở trước chẳng còn mê ngộ, trung xả như đèn đuốc ở một bên hoặc sáng hoặc tối, tiểu xả như đèn đuốc ở phía sau chẳng thấy hăm hồ. Tâm Bồ Tát như hư không là tất cả đều xả. Tâm quá khứ bất khả đắc thì quá khứ xả, tâm hiện tại bất khả đắc thì hiện tại xả, tâm vị lai bất khả đắc thì vị lai xả, nên nói tam thể đều xả.

Từ hồi Như Lai phó pháp cho Ca Diếp, lấy tâm ấn tâm, tâm tâm chẳng khác. Nếu ấn nơi không thì ấn chẳng thành văn, nếu ấn nơi vật thì ấn chẳng thành pháp, nên dùng tâm ấn tâm, tâm tâm chẳng khác. Năng ấn sở ấn đều khó khế hội nên kẻ đắc rất ít. Nhưng tâm tức là vô tâm, đắc tức là vô đắc.

Phật có tam thân: Pháp thân nói về pháp hư thông (trông rộng thông đạt) của tự tánh, Báo thân nói về tất cả pháp thanh tịnh, Hóa thân nói về pháp lục độ vạn hạnh. Pháp thân thuyết pháp chẳng thể dùng ngôn ngữ âm thanh văn tự hình tướng để cầu, vô sở thuyết vô sở chứng, tự tánh hư thông mà thôi, nên nói: "Vô pháp khả thuyết gọi là thuyết pháp". Báo thân, Hóa thân đều tùy cơ cảm ứng mà hiện, pháp sở thuyết cũng tùy theo căn cơ để giáo hóa chúng sanh, đều chẳng phải chân pháp nên nói: "Báo, Hóa chẳng phải chân Phật, cũng chẳng phải kẻ thuyết pháp".

Hỏi: Bỏ lại vô nhất vật, vậy vô vật là đúng chẳng?

Đáp: Vô cũng chẳng đúng. Bồ Đề chẳng có chỗ đúng cũng chẳng phải vô tri giải.

Hỏi: Như hư không trước mắt đây là cảnh chẳng? Há chẳng phải đối cảnh thấy tâm ư?

Đáp: Tâm nào cho người hướng trên cảnh để thấy? Dầu người thấy được chỉ là cái tâm soi cảnh, như người lấy gương soi mặt, dầu cho được thấy mặt mà rõ ràng chẳng qua chỉ là bóng tượng, đâu có dính dáng với người.

Hỏi: Nếu chẳng nhờ nhân mà chiếu soi thì lúc nào mới được thấy?

Đáp: Nếu nói nhờ nhân thì phải nhờ vật, vậy đến lúc nào mới hết? Người há chẳng nghe Cổ Đức nói: "Đưa tay trình ông chẳng một vật. Đâu cần lao nhọc thuyết ngàn lời" hay sao?

Hỏi: Nếu biết rồi thì chiếu soi cũng vô vật chằng?

Đáp: Nếu là vô vật thì đâu cần chiếu soi. Người chớ nên mở mắt mà nói sàm. Nếu sanh kiến giải cho là Phật thì bị Phật chướng, cho là chúng sanh thì bị chúng sanh chướng, cho là phạm là thánh, là tịnh là uế, đều thành chướng cả. Vì chướng tâm người nên thành luân chuyển.

Mười phương chư Phật thật ra chẳng có một chút pháp để đắc, gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Ấy chỉ là một tâm, thật chẳng tướng khác. Chẳng có thắng bại đối đãi, chẳng thắng nên chẳng có tướng Phật, chẳng bại nên chẳng có tướng chúng sanh.

Hỏi: Tâm đã vô tướng há chẳng có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp để độ chúng sanh ư?

Đáp: Ba mươi hai tướng thuộc về tướng, "Phàm có tướng đều là hư vọng". Tám mươi vẻ đẹp thuộc về sắc, "nếu dùng sắc thấy ta, người ấy hành đạo tà, chẳng thể thấy Như Lai".

Hỏi: Vô biên thân Bồ Tát tại sao chẳng thấy danh tướng của Như Lai?

Đáp: Thực chẳng có gì để thấy. Tại sao? Vì vô biên thân Bồ Tát tức là Như Lai. Chỉ bảo người chẳng cho là Phật kiến thì chẳng lọt vào Phật biên, chẳng cho là chúng sanh kiến thì chẳng lọt vào chúng sanh biên, chẳng cho là hữu kiến thì chẳng lọt vào hữu biên, chẳng cho là vô kiến thì chẳng lọt vào vô biên, chẳng cho là phạm kiến thì chẳng lọt vào phạm biên, chẳng cho là thánh kiến thì chẳng lọt vào thánh biên. Hễ dứt sạch tất cả tri kiến tức là vô biên thân vậy. Nếu có chỗ kiến tức là ngoại đạo vì ngoại đạo ham thích tri kiến. Bồ Tát ở nơi tri kiến mà chẳng động.

Như Lai tức là các pháp như nghĩa, cho nên nói Di Lặc cũng là Như, thánh hiền cũng là như, như tức vô sanh, như tức vô diệt, như tức vô kiến, như tức vô văn. Danh tướng của Như Lai tức là viên kiến, cũng chẳng thật có viên kiến nên chẳng lọt viên biên, nên nói "thân Phật vô vi, chẳng đoạ số lượng", tạm dùng hư không để thí dụ: "Viên (tròn) đồng thái hư chẳng thiếu chẳng dư". Hàng ngày vô sự, đối cảnh chớ nên phân biệt. Phân biệt liền lọt vào ý thức, trôi lăn trên biển ý thức thì chẳng thể chúng ngộ.

Người học đạo chớ chấp tứ đại làm thân, tứ đại vô ngã, ngã cũng vô chủ, phải biết thân này vô ngã cũng vô chủ. Người học đạo chớ chấp ngũ uẩn làm tâm. Ngũ uẩn vô ngã cũng vô chủ. Phải biết tâm này vô ngã cũng vô chủ. Lục căn, lục trần, lục thức hòa hợp sanh diệt nghĩa cũng như thế. Vậy thập bát giới đã không thì tất cả đều không, chỉ có bản tâm trong sạch khắp nơi.

Người học Bát Nhã chẳng thấy có một pháp để đắc. Chân thật duy nhất của tam thừa chẳng thể chúng đắc. Nếu nói ta năng chúng năng đắc đều là kẻ tăng thượng mạn. Trên hội Pháp Hoa quay đầu bỏ đi đều là bọn này vậy. Nên Phật nói: "Ta ở nơi Bồ Đề thực vô sở đắc, mặc kệ mà thôi".

Con người khi lâm chung hề quán được ngũ uẩn giai không, tứ đại vô ngã, chân tâm vô thường, bất khứ bất lai, khi sanh tánh cũng chẳng đến, khi chết tánh cũng chẳng đi, trạm nhiên viên tịch, tâm cảnh nhất như, hề được như thế ngay đó đốn ngộ, thì chẳng bị tam thế trói buộc, tức là người xuất thế gian vậy. Cần thiết là chớ nên có một hào ly xu hướng cũng như thấy tướng thiện, chư Phật đến rước và nhiều cảnh đẹp hiện tiền, cũng chẳng có ý đi theo, hoặc thấy những tướng hung ác cũng chẳng sanh tâm khiếp sợ. Hễ tự quên tâm, đồng nơi pháp giới, thì được tự tại, đây tức là tâm yếu.

Chỉ cần ngay đó đốn ngộ tự tâm vốn là Phật, chẳng có một pháp để đắc, chẳng có một hạnh để tu, ấy là Vô Thượng Đạo.

Hỏi: Kinh Lăng Nghiêm nói:

*Tiêu diên đảo tướng từ vô thủy,
Chẳng nhọc nhiều kiếp được pháp thân.*

là thế nào?

Đáp: Nếu muốn trong ba vô số kiếp tu hành cầu chứng đắc thì dù trải qua hàng sa kiếp cũng chẳng đắc được. Nếu nói trong một sát na kiến tánh chứng đắc pháp thân cũng chỉ là lời nói cao tốt của tam thừa. Tại sao vậy? Vì thấy có pháp thân để chứng đắc đều thuộc về pháp bất liễu nghĩa. Thiên Tông này truyền thừa từ xưa đến nay chưa từng bảo người cầu tri cầu giải. Nói hai chữ học đạo chỉ là lời phương tiện tiếp dẫn, thực ra đạo cũng chẳng thể học. Nếu còn ôm cái kiến giải học đạo lại thành mê đạo. Đạo chẳng phương sở gọi là tâm đại thừa. Tâm này chẳng ở trong, ngoài và chính giữa vì thực chẳng phương sở, nên chẳng thể chấp thành tri giải. Tri giải là chỗ tình lượng của người. Nếu tình lượng đã sạch, tâm chẳng phương sở thì đạo này thiên chân vốn chẳng danh tự.

Hỏi: Cổ Đức nói "Tức tâm là Phật", chưa rõ tâm nào là Phật?

Đáp: Ông có mấy cái tâm?

Hỏi: Tâm phàm là Phật hay tâm thánh là Phật?

Đáp: Ông thấy chỗ nào có tâm phàm thánh ư!

Hỏi: Trong tam thừa nói có phàm thánh, tại sao Hòa Thượng lại nói không?

Đáp: Trong tam thừa nói rõ ràng tâm phàm thánh là vọng, nay ông chẳng hiểu lại chấp thành có, chấp vọng là thật, há chẳng phải vọng ư! Vì vọng nên mê tâm. Ông hãy trừ bỏ thánh cảnh phàm tình thì ngoài tâm đâu còn Phật nào khác. Tổ Sư từ Ấn Độ đến chỉ thẳng tất cả mọi người đều là Phật. Nay ông chẳng biết, chấp phàm chấp thánh, đuổi theo cảnh bên ngoài, lại mê tự tâm, nên Tổ Sư nói với ông "tức tâm là Phật".

Sanh một niệm chấp thật liền đọa luân hồi. Pháp từ vô thủy chẳng khác hôm nay, vì chẳng có pháp khác biệt, nên gọi thành Đẳng Chánh Giác.

Hỏi: Lời nói của Hòa Thượng là nghĩa lý gì?

Đáp: Còn tìm nghĩa lý gì! Hễ có nghĩa lý liền thành khác biệt.

Hỏi: Nãy nói pháp từ vô thủy chẳng khác ngày nay, lý này thế nào?

Đáp: Vì muốn tìm nghĩa lý mới thành khác biệt. Ông nếu chẳng tìm thì chỗ nào có khác.

Hỏi: Đã là chẳng khác, sao còn nói "Tức tâm là Phật".

Đáp: Nếu ông chẳng chấp phàm thánh còn ai nói "tức" tâm. Tức nếu chẳng tức, tâm cũng chẳng tâm. Nếu tâm với tức cùng quên thì ông còn muốn tìm ở nơi nào.

Hỏi: Vọng hay chương tự tâm, nay chưa rõ dùng cách nào để trừ vọng?

Đáp: Khởi tâm trừ vọng cũng thành vọng. Vọng vốn chẳng gốc, chỉ vì phân biệt mới có. Ông hãy ở nơi hai chỗ phàm thánh tình chấp tẩy sạch tự nhiên chẳng vọng. Vậy còn muốn trừ nó để làm gì?

Nói tóm lại chẳng có chút gì để dựa, để chấp, gọi là ta xả bỏ hai tay (pháp tương đối), ắt sẽ đắc Phật.

Hỏi: Đã chẳng có chỗ dựa, chỗ chấp, thì Tổ Tổ làm sao truyền thừa nhau?

Đáp: Dùng tâm truyền tâm.

Hỏi: Nếu có tâm truyền nhau sao lại nói tâm cũng không?

Đáp: Chẳng đắc một pháp gọi là truyền tâm. Nếu liễu ngộ tâm này tức là vô tâm vô pháp.

Hỏi: Nếu vô tâm vô pháp sao gọi là truyền?

Đáp: Ông nghe nói truyền tâm tưởng là có pháp để đắc sao!

Tổ Sư nói:

*Khi nhận được tâm tánh,
Nên nói bất tư nghì.
Liễu liễu vô sở đắc,
Khi đắc chẳng nói "tri".*

Việc này làm sao bảo cho ông hiểu được!

Hỏi: Phật độ chúng sanh chẳng?

Đáp: Thực chẳng chúng sanh cho Như Lai độ. Ngã còn bất khả đắc, phi ngã làm sao đắc. Phật với chúng sanh đều bất khả đắc.

Hỏi: Hiện có ba mươi hai tướng tốt và độ chúng sanh sao lại nói không?

Đáp: Phạm có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy chư tướng phi tướng tức thấy Như Lai.

Hỏi: Hòa Thượng hiện đang thuyết pháp đâu thể nói vô tăng cũng vô pháp?

Đáp: Ông nếu thấy có pháp để thuyết tức là "dùng âm thanh cầu ta". Nếu thấy có ta tức là có xứ sở. Thật thì pháp vốn vô pháp, pháp tức là tâm, nên Tổ Sư nói:

*Phó chúc tâm pháp này,
Pháp pháp đâu là pháp.
Vô pháp vô bản tâm,
Mới rõ tâm tâm pháp.*

Thật chẳng một pháp để đắc gọi là tọa đạo tràng. Nói đạo tràng chỉ là chẳng sanh khởi kiến chấp. Ngộ pháp vốn không gọi là Không Như Lai Tạng.

*Xưa nay chẳng một vật,
Nơi nào có bụi trần.
Nếu thấu rõ ý này,
Tự tại chẳng gì bằng.*

Hỏi: Chư Phật đại từ bi vì chúng sanh thuyết pháp là thế nào?

Đáp: Nói Phật đại từ bi là chẳng thấy có Phật để thành, gọi là Vô Duyên Từ, chẳng thấy có chúng sanh để độ, gọi là Đồng Thể Bi. Pháp của Phật thuyết vô thuyết vô thị (khai thị), kẻ nghe thuyết pháp vô văn vô đắc. Ví như người huyễn thuyết pháp cho người huyễn, vậy thì có pháp gì để thuyết, ai thuyết, ai nghe?

Ta nghe thiện tri thức khai thị, ngay đó ngộ được tâm từ bi này. Nếu ông khởi tâm động niệm muốn học kiến giải ấy là chẳng ngộ tự tâm, rốt cuộc vô ích.

Hỏi: Thế nào là ra khỏi tam giới?

Đáp: Thiện ác đều chẳng suy lường, ngay đó liền ra khỏi tam giới. Như Lai ra đời vì phá tam giới. Nếu chẳng tất cả tâm, tam giới cũng chẳng có. Ví như một vi trần đập

phá thành trăm phần, chín mươi chín phần là không, một phần là có, thế thì đại thừa cũng chưa thể siêu thoát. Cả trăm phần đều không, đại thừa mới có thể siêu thoát.

Tổ Sư trực chỉ bản tâm bản thể của tất cả chúng sanh vốn là Phật, chẳng nhờ tu thành, chẳng thuộc thứ lớp, chẳng phải minh ám. Vì chẳng phải minh nên nói vô minh, vì chẳng phải ám nên nói vô ám, cho nên kinh nói "Vô vô minh diệt vô vô minh tận" là vậy. Người vào cửa thiền tông ta cần nên để ý. Thấy được như thế gọi là thấy pháp. Vì thấy pháp nên gọi là Phật. Phật với pháp đều không, nên gọi là Tăng, cũng gọi Vô Vi Tăng, cũng gọi Nhất Thể Tam Bảo.

Kẻ cầu pháp chẳng chấp cầu Phật, chẳng chấp cầu pháp, chẳng chấp cầu Tăng, ung vô sở cầu. Vì chẳng chấp cầu Phật nên vô Phật, chẳng chấp cầu Pháp nên vô Pháp, chẳng chấp cầu Tăng nên vô Tăng.

Hỏi: Thế nào là đạo, thế nào là tu hành?

Đáp: Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành!

Hỏi: Những tông sư ở các nơi kế tiếp nhau dạy tham thiền học đạo là thế nào?

Đáp: Ấy là lời tiếp dẫn người hạ căn, không thể lấy làm căn cứ.

Hỏi: Đây là lời tiếp dẫn người hạ căn. Vậy chưa rõ tiếp người thượng căn là thuyết pháp nào?

Đáp: Nếu là người thượng căn thì đâu còn muốn tìm của người khác. Họ tự mình còn bất khả đắc hướng là còn có pháp nào để dính mắc họ.

Hỏi: Nếu như thế thì chẳng cần tìm cầu?

Đáp: Nếu được vậy thì khỏi phí sức.

Hỏi: Như thế tức là trọn thành đoạn tuyệt, tất cả đều "vô" ư?

Đáp: Ai bảo nó "vô". Nó là ai mà ông muốn tìm nó?

Hỏi: Đã không cho tìm tại sao còn nói chớ đoạn dứt nó?

Đáp: Nếu chẳng tìm thì xong rồi, còn ai bảo ông đoạn dứt. Ông thấy hư không trước mắt làm sao đoạn dứt được.

Hỏi: Pháp này có thể đồng như hư không chẳng?

Đáp: Hư không lúc nào nói với ông có đồng có khác? Ta tạm nói như thế, ông liền hướng vào đây sanh kiến giải.

Hỏi: Vậy không nên cho người sanh kiến giải ư?

Đáp: Ta đâu từng chướng ngại ông. Ông phải biết kiến giải thuộc về tình thức, tình sanh thì trí bị ngăn cách.

Hỏi: Hướng vào đây chớ sanh tình phải chẳng?

Đáp: Nếu chẳng sanh tình còn ai nói phải?

Hỏi: Lục Tổ không biết đọc kinh sách sao lại được truyền y làm Tổ. Thần Tú là thủ tọa, làm giáo thọ sư cho cả chúng, giảng được tất cả kinh luận, sao lại chẳng được truyền y?

Đáp: Vì Thần Tú có tâm chấp thật, đó là pháp hữu vi, cho là thật có sở tu sở chứng. Còn Lục Tổ chỉ là mặc khế, mặc thọ ý thâm sâu của Như Lai, cho nên được Ngũ Tổ phó pháp.

Ông phải biết bài kệ truyền pháp của Phật rằng:

*Bản pháp vốn vô pháp,
Vô pháp cũng là pháp.
Nay phó chúc vô pháp,
Pháp pháp đâu là pháp.*

Nếu ngộ ý này mới gọi là kẻ xuất gia, mới là kẻ tu hành. Ông nếu chẳng tin hãy xem việc Thượng Tọa Minh đuổi theo Lục Tổ để đoạt y bát. Lục Tổ hỏi "Người vì y đến hay vì pháp đến?" Minh nói "Chẳng vì y đến, chỉ vì pháp đến". Lục Tổ nói "Người tạm nhiếp niệm, thiện ác đều chớ suy nghĩ". Minh vâng lời. Lục Tổ hỏi liền "Chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác, ngay khi ấy thế nào là bỏ lại diện mục của Thượng Tọa Minh?" Minh ngay đó hoát nhiên mặc kệ, liền lễ bái rằng "Minh ở trong thiền hội Ngũ Tổ oan uổng dụng công ba mươi năm, hôm nay mới biết trước kia là sai". Lục Tổ nói "Đúng thế!" Khi ấy Minh mới biết "Tổ Sư trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật", chẳng ở nơi ngôn thuyết. Cũng như A Nan ba mươi năm làm thị giả của Phật, chỉ vì trí huệ đa văn, lại bị Phật quở rằng "Người ngàn ngày học huệ chẳng bằng một ngày tu đạo. Nếu chẳng tu đạo, giọt nước cũng khó tiêu".

Hỏi: Bậc thánh vô tâm tức là Phật, phạm phu vô tâm lại chìm nơi không tịch chẳng?

Đáp: Pháp chẳng thánh phạm, cũng chẳng không tịch. Pháp vốn chẳng hữu chớ cho là vô, pháp vốn chẳng vô chớ cho là hữu, vì hữu với vô đều là tình chấp, cũng như huyền hóa, nên kinh nói: "Kiến văn như huyền hóa, tri giác là chúng sanh". Trong cửa Tổ Sư chỉ cần ngưng cơ xảo, quên kiến giải, nên nói: "Phân biệt thì Ma Vương thịnh, quên cơ thì Phật đạo thành".

Hỏi: Tâm đã vốn là Phật còn tu lục độ vạn hạnh chẳng?

Đáp: Ngộ ở nơi tâm, chẳng dính dáng với lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh thuộc bên việc giáo hóa độ sinh. Những danh từ như Bồ Đề, Chân Như, Thực Tướng, Giải Thoát, Pháp Thân, cho đến Thập Địa, Tứ Quả, Thánh Vị... đều thuộc về phần hóa độ, chẳng phải tâm Phật. Tâm tức là Phật nên trong tất cả các môn hóa độ thì Phật là bậc nhất. Nếu chẳng có những việc sanh tử, phiền não ... thì chẳng cần những pháp Bồ Đề, Giải Thoát.

Hỏi: Nếu vô tâm hành đạo này được chẳng?

Đáp: Vô tâm là đã hành đạo này rồi, còn nói chi được hay không được! Lại bỗng khởi nhất niệm liền thành cảnh, nếu vô nhất niệm tức là:

*Cảnh mất tâm tự diệt,
Còn gì để truy tìm.*

Hỏi: Thế nào thì được chẳng lọt giai cấp?

Đáp: Suốt ngày ăn cơm chưa cắn một hạt gạo, suốt ngày đi đường chưa đạp một tác đất, suốt ngày chẳng lia tất cả việc mà chẳng bị các cảnh mê hoặc, lại thời thời niệm niệm chẳng chấp tất cả tướng, chẳng chấp không gian thời gian, quá khứ chẳng đi, hiện tại chẳng trụ, vị lai chẳng đến, như như bất động an nhiên tự tại, đang khi ấy vô các tướng nhân ngã, như thế mới gọi là người tự tại giải thoát. Nỗ lực! Nỗ lực! Trong cửa này muôn ngàn người chỉ được năm ba người. Nếu không nỗ lực công phu thì có ngày phải chịu tai họa, nên nói:

*Nỗ lực liễu ngộ ngay kiếp này
Khởi chịu tai ương nhiều kiếp sau.*

Hỏi: Vốn đã là Phật sao lại còn có tứ sinh lục đạo mỗi mỗi hình dạng chẳng đồng?

Đáp: Chư Phật bản thể viên tròn, chẳng thể tăng giảm, chảy vào lục đạo mỗi mỗi đều tròn, ở trong muôn loài mọi mọi là Phật. Ví như một cục thủy ngân phân tán nhiều nơi mỗi mỗi đều tròn, nếu chẳng phân tán chỉ là một cục. Một này là tất cả, tất cả là một. Mỗi mỗi hình dạng dụ như nhà cửa, bỏ nhà thú vào nhà người, bỏ thân người sang thân trời, cho đến những nhà cửa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát với Phật, đều tại ông có lấy có bỏ nên mới có khác, bản nguyên tự tánh đâu thể có khác.

- Niên hiệu Đại Trung, triều Đường, Ngài viên tịch nơi bốn sơn (núi Hoàng Bá), được vua sắc phong là Đoạn Tế Thiền Sư

VÀI HÀNG GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

Hoàng Bá Thiền Sư pháp danh Hy Vận, người tỉnh Phúc Kiến. Thuở nhỏ xuất gia tại núi Hoàng Bá, thuộc Hồng Châu. Ngài là đệ tử nổi pháp của Tổ Bá Trượng, và là thầy truyền pháp của Tổ Lâm Tế. Ngài từng được Tổ Bá Trượng khen ngợi là một đệ tử xuất sắc, đại cơ đại dụng hơn cả thầy.

Ngữ lục của ngài đã được một vị sư người Anh dịch ra tiếng Anh và xuất bản năm 1975.

Sau khi viên tịch, ngài được vua Đường Tuyên Tông sắc phong hiệu là Đoạn Tế Thiền Sư. Chính vị vua này thuở nhỏ đi tu, làm sa di, đã từng bị ngài bạt tai để phá cái tâm chấp "Không cần lễ Phật". Cũng như đệ tử Ngài là Tổ Lâm Tế thì lại phá cái tâm thấp "nhất định phải lễ Phật" của một vị viên chủ, vì Phật Pháp là pháp Bất Nhị, không được chấp vào một bên là còn ở trong vòng tương đối, biên kiến.

Lời dạy bảo của Ngài rất có giá trị đối với người tham thiền.
